

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2023

“V/v tranh chấp chia tài sản
chung sau khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH L

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Văn Truyền

2. Bà Đặng Thị Bích Loan

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Quỳnh Hương - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 467/2022/TLST-HNGĐ; về việc “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Minh Kh, sinh năm 1969;

Địa chỉ: 15/19A Tổ 15, ấp 2, xã T, huyện B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1993; Địa chỉ: 91 Tân Túc, thị trấn T, huyện B, Thành phố H. (Theo Giấy ủy quyền ngày 28/7/2022).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp 1, xã M, huyện B, tỉnh L.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Minh T, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp Chợ, xã Ph, huyện B, tỉnh L.

Ông Kh, ông Đ, bà A có mặt; anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/7/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/6/2023, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Lê Minh Kh và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Kh và bà A có quan hệ vợ chồng từ năm 1987 nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 709/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố H (viết tắt là Quyết định công nhận thuận tình ly hôn). Quyết định công nhận Ông Kh, bà A thuận tình ly hôn, các con đã trưởng thành, không giải quyết về tài sản chung.

Trong thời kỳ hôn nhân, Ông Kh và bà A tạo lập được khối tài sản là căn nhà một trệt một lầu và quyền sử dụng đất (viết tắt QSDĐ) thuộc thửa số 49, tờ bản đồ số 1-1-1 (thửa mới số 10, tờ bản đồ số 29), diện tích 58,5m² (đo đạc thực tế là 51,7m²), loại đất ở nông thôn, tại ấp Chợ, xã Ph, huyện B, tỉnh L do bà Nguyễn Thị Kim A đứng tên trên Giấy chứng nhận QSDĐ số CI 041180, ngày 19/5/2017 do Sở tài nguyên Môi trường tỉnh L cấp. Do Ông Kh và bà A không thể tự thỏa thuận phân chia tài sản nên Ông Kh khởi kiện yêu cầu bà A chia cho Ông Kh $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản này. Yêu cầu hủy nội dung thỏa thuận phân chia cho con tên Lê Minh T 300.000.000 đồng theo “Đơn thỏa thuận” ngày 05/8/2019.

- Bị đơn Nguyễn Thị Kim A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân giữa bà và Ông Kh đúng như Ông Kh trình bày. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất và nhà trên đất thuộc thửa số 49, tờ bản đồ số 1-1-1, diện tích 58,5m² (đo đạc thực tế là 51,7m²), loại đất ở nông thôn, tại xã Ph, huyện B, tỉnh L do bà A đứng tên Giấy chứng nhận QSDĐ. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn ngày 21/8/2019 thì hai con đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Tuy nhiên, con chung tên Lê Minh T tinh thần có lúc không được tỉnh táo do bị ảnh hưởng của việc dùng nhiều loại ma túy nên trước khi ly hôn thì vợ chồng có thỏa thuận theo “Đơn thỏa thuận” ngày 05/8/2019 là để lại căn nhà cho con Lê Minh T ở, trường hợp nếu bán tài sản thì chia cho Tuấn 300.000.000 đồng, phần còn lại mới chia đôi cho hai vợ chồng.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của Ông Kh thì bà A đồng ý giao cho Ông Kh được toàn quyền quản lý, sử dụng tài sản và thối hoàn lại cho bà $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản. Tuy nhiên, bà và Ông Kh mỗi người phải trích ra 150.000.000 đồng để chăm lo cho con chung tên Lê Minh T theo thỏa thuận tại “Đơn thỏa thuận” ngày 05/8/2019. Đồng thời, bà A có ý kiến đề nghị Ông Kh thuê nhà trọ và trông nom cho con chung Lê Minh T.

Bà A cam kết đã được giải thích và hiểu rõ hậu quả của việc yêu cầu tuyên mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế hoặc khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi của anh Lê Minh T. Tuy nhiên, bà A xác định hiện nay anh T chưa bị cơ quan có thẩm quyền nào tuyên bố anh T bị mất năng lực hành vi dân sự và cũng không có tài liệu chứng minh bà có nộp đơn yêu cầu việc dân sự đối với năng lực hành vi dân sự của anh T và không có phản tố trong vụ án này.

Các đương sự thống nhất cam kết ngoài những chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, thì không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác tại thời điểm hiện tại cho đến khi Tòa án xét xử ở các cấp. Đồng thời, cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm những người khác tham gia tố tụng trong vụ án này.

Các đương sự thống nhất với Mạnh trích đo bản đồ địa chính số 545-2022 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B duyệt ngày 06/12/2022 và giá trị tài sản theo Chứng thư thẩm định giá số 345.2023/VT.HS ngày 17/4/2023 do công ty Cổ phần Thẩm định giá Việt Tín thực hiện. Hiện trạng tài sản tranh chấp không thay đổi so với hiện trạng tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 29/11/2022.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Ông Kh và bà A đều thống nhất xác định căn nhà và quyền sử dụng đất thuộc thửa số 49, tờ bản đồ số 1-1-1 (thửa mới số 10, tờ bản đồ số 29), diện tích 58,5m² (đo đạc thực tế là 51,7m²), loại đất ở nông thôn, tại xã Ph, huyện B, tỉnh L là tài sản chung vợ chồng nên là tình tiết không phải chứng minh theo qui định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Kh yêu cầu chia đôi tài sản chung và bà A cũng thống nhất chia đôi. Ông Kh được quyền quản lý, sử dụng tài sản và thôi hoàn cho bà A ½ giá trị theo chứng thư thẩm định giá là phù hợp qui định tại Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Giữa Ông Kh và bà A còn tranh chấp về con chung Lê Minh T. Bà A yêu cầu Ông Kh trích ra 150.000.0000 đồng trong số tiền được chia tài sản chung để chăm lo cho con chung. Ông Kh yêu cầu hủy thỏa thuận phân chia cho con tên Lê Minh T 300.000.000 đồng theo “Đơn thỏa thuận” ngày 05/8/2019; Đối với vấn đề này, bà A cho rằng anh T tinh thần không tỉnh táo và nhiều lúc không làm chủ được hành vi. Tuy nhiên, các bên đương sự đều thống nhất hiện nay anh T chưa bị cơ quan tổ chức nào tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế hay

khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi, anh T đã trưởng thành, bà A đã được Tòa án giải thích về quyền và nghĩa vụ yêu cầu tuyên bố việc dân sự đối với năng lực hành vi dân sự của anh T, nhưng bà A vẫn không có yêu cầu nên không có cơ sở để giải quyết buộc Ông Kh phải có trách nhiệm nuôi con Lê Minh T theo yêu cầu của bà A. Đối với thỏa thuận chia cho anh T 300.000.000 đồng trong khối tài sản chung vợ chồng, đây là thỏa thuận trong thời kỳ hôn nhân nhưng hiện nay các bên vẫn chưa thực hiện, nội dung thỏa thuận chưa rõ ràng về việc cho anh T hay giao cho ai quản lý để chăm sóc anh T. Hiện nay Ông Kh tranh chấp không đồng ý thực hiện thỏa thuận này và yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung nên thuộc trường hợp không thỏa thuận được theo qui định khoản 1 Điều 38 Luật Hôn nhân gia đình và việc phân chia tài sản chung được thực hiện theo Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình và Ông Kh, bà A đã tự nguyện thỏa thuận chia đôi. Do đó, yêu cầu hủy thỏa thuận phân chia cho anh T 300.000.000 đồng của Ông Kh có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Minh Kh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ông Lê Minh Kh yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim A phân chia tài sản chung sau ly hôn. Căn cứ Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp Chia tài sản chung sau ly hôn”, tài sản tranh chấp là bất động sản tọa lạc tại xã Ph, huyện B, tỉnh L nên thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Minh T vắng mặt tại phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Kh:

[3] Ông Lê Minh Kh yêu cầu phân chia tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế là 51,7m² thuộc thửa số 49, tờ bản đồ số 1-1-1 (thửa mới số 10, tờ bản đồ số 29), loại đất ONT, tọa lạc tại ấp Chợ, xã Ph, huyện B, tỉnh L do bà Nguyễn Thị Kim A đứng tên Giấy chứng nhận QSDĐ số CI 041180 ngày 19/5/2017. Trên đất có căn nhà một trệt một lầu, diện tích xây dựng 103,4m², kết cấu: Móng cột đà bê tông cốt thép, tường xây gạch tô sơn, mái tôn, trần la phong, sàn bê tông cốt thép, nền gạch ceramic, cầu thang gỗ. Nguồn gốc tài sản do nhận chuyển nhượng từ năm 2017. Căn nhà này từ năm 2017 đến tháng 11/2022 do anh Lê Minh T ở, từ tháng 11/2022 đến nay nhà để trống, không ai quản lý. Bà Nguyễn

Thị Kim A cũng thống nhất xác định đây là tài sản chung vợ chồng nên là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Tại phiên tòa, Ông Kh và bà A cùng thống nhất việc chia đôi tài sản chung. Ông Kh được toàn quyền quản lý, sử dụng nhà và quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 49 (thửa mới số 10) nêu trên và có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho bà A theo chứng thư thẩm định giá. Việc thỏa thuận phân chia tài sản chung này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình nên được ghi nhận. Theo Chứng thư thẩm định giá số 345.2023/VT.HS ngày 17/4/2023 do công ty Cổ phần Thẩm định giá Việt Tín thực hiện thì giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn trên đất là 1.082.000.000 đồng nên bà Nguyễn Thị Kim A và ông Lê Minh Kh mỗi người được chia là 541.000.000 đồng. Ông Kh được quyền quản lý đất nên phải có nghĩa vụ thối hoàn cho bà A 541.000.000 đồng. Bà A có nghĩa vụ giao 01 Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 041180 ngày 19/5/2017 do bà Nguyễn Thị Kim A được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp cho ông Lê Minh Kh.

[5] Bà A đề nghị Ông Kh có trách nhiệm trích 150.000.000 đồng trong khối tài sản ông được phân chia tài sản chung để thuê nhà trọ, trông nom, chăm sóc con chung tên Lê Minh T theo thỏa thuận tại “Đơn thỏa thuận” ngày 05/8/2019 của vợ chồng trước khi ly hôn. Ông Kh yêu cầu hủy thỏa thuận phân chia cho con chung tên Lê Minh T 300.000.000 đồng theo “Đơn thỏa thuận” ngày 05/8/2019. Xét thấy, hiện nay anh T đã trưởng thành, chưa bị cơ quan tổ chức nào tuyên bố Tuân bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi. Tòa án cũng cho thời gian để bà A và Ông Kh thực hiện thủ tục yêu cầu tuyên bố mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi cho anh Lê Minh T nhưng bà A và Ông Kh đều cam kết đã được giải thích và hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình nhưng vẫn không yêu cầu giải quyết đối với năng lực hành vi dân sự của anh T, Ông Kh cũng không đồng ý đề nghị của bà A. Do đó, đến thời điểm này anh T vẫn là người đã trưởng thành và có đủ năng lực hành vi dân sự nên không có cơ sở buộc Ông Kh phải có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc đối với anh Lê Minh T theo yêu cầu của bà A. Đối với thỏa thuận phân chia cho anh T 300.000.000 đồng theo “Đơn thỏa thuận” ngày 05/8/2019: các đương sự xác định đây là tài sản chung vợ chồng, anh T không có công sức tôn tạo, đầu tư gì trong khối tài sản này, các bên cũng chưa thực hiện theo thỏa thuận nên việc thỏa thuận chia cho anh T trong khối tài sản chung vợ chồng là chưa có hiệu lực, thỏa thuận về việc phân chia cũng không rõ ràng là phân chia cho anh T hay giao cho người nào trực tiếp nuôi dưỡng anh T quản lý. Nay Ông Kh và bà A không thống nhất với nhau để thực hiện thỏa thuận này nên thuộc trường hợp không thỏa thuận được theo quy định tại khoản

1 Điều 38 Luật Hôn nhân gia đình và việc phân chia tài sản chung được thực hiện theo Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình, tại phiên tòa, Ông Kh và bà A đã tự nguyện thỏa thuận chia đôi tài sản là tự nguyện. Do đó, yêu cầu của Ông Kh về việc hủy thỏa thuận chia cho anh Lê Minh T 300.000.000 đồng theo “Đơn thỏa thuận” ngày 05/8/2019 là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ là 22.800.000 đồng. Ông Kh và bà A mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí là 11.400.000 đồng. Ông Kh đã tạm ứng án phí nên bà A phải trả lại cho Ông Kh 11.400.000 đồng.

[7] Về án phí: Ông Lê Minh Kh và bà Nguyễn Thị Kim A mỗi người phải chịu án phí trên số tài sản được chia là 25.640.000 đồng.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 228, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 33, Điều 34, Điều 38, Điều 43, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh Kh về việc chia tài sản sau khi ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim A.

1. Xác định tài sản chung giữa ông Lê Minh Kh và bà Nguyễn Thị Kim A là thửa đất số 49 (thửa mới 10), tờ bản đồ số 1-1-1 (tờ bản đồ mới 29), diện tích đo đạc thực tế là 51,7m², loại đất ONT, tọa lạc tại ấp Chợ, xã Ph, huyện B, tỉnh L, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số CI 041180 được Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh L cấp cho bà Nguyễn Thị Kim A ngày 19/5/2017.

2. Chia cho ông Lê Minh Kh được quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 49 (thửa mới 10), tờ bản đồ số 1-1-1 (tờ bản đồ mới 29), diện tích đo đạc thực tế là 51,7m², loại đất ONT, tọa lạc tại ấp Chợ, xã Ph, huyện B, tỉnh L. Trên đất có căn nhà một trệt một lầu, diện tích xây dựng 103,4m², kết cấu: Móng cột đà bê tông cốt thép, tường xây gạch tô sơn, mái tôn, trần la phong, sàn bê tông cốt thép, nền gạch ceramic, cầu thang gỗ.

(Vị trí thửa đất được thể hiện theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 545-2022 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B duyệt ngày 06/12/2022, được đính kèm theo Bản án).

3. Ông Lê Minh Kh phải thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị Kim A giá trị tài sản bà A được chia là 541.000.000 đồng (Năm trăm bốn mươi một triệu đồng).

4. Bà Nguyễn Thị Kim A phải có nghĩa vụ giao cho ông Lê Minh Kh 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 041180 ngày 19/5/2017 do bà Nguyễn Thị Kim A được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp.

5. Hủy thỏa thuận theo “Đơn thỏa thuận” ngày 05/8/2019 giữa bà Nguyễn Thị Kim A với ông Lê Minh Kh về việc chia cho anh Lê Minh T 300.000.000 đồng.

6. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc quyền sử dụng của mình theo quy định pháp luật đất đai.

7. Cơ quan đăng ký đất đai và cơ quan Tài nguyên Môi trường có thẩm quyền căn cứ vào Bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án để giải quyết, điều chỉnh, biến động đất đai và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp kết quả giải quyết của Tòa án.

8. Về chi phí tố tụng là 22.800.000 đồng (Hai mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng). Buộc ông Lê Minh Kh và bà Nguyễn Thị Kim A mỗi người phải chịu 11.400.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm ngàn đồng). Ông Kh đã nộp xong chi phí tố tụng. Bà A phải nộp 11.400.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm ngàn đồng) để trả lại cho Ông Kh.

9. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

10. Về án phí sơ thẩm:

Ông Lê Minh Kh phải chịu 25.640.000 đồng (Hai mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) án phí sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 725.000 đồng (Bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0012184 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Ông Kh phải nộp tiếp 24.915.000 đồng (Hai mươi tư triệu chín trăm mười lăm ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu 25.640.000 đồng (Hai mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

11. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**